

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ CHẾ TẠO LÊ VŨ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ CHẾ TẠO LÊ VŨ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400765952

3. Ngày thành lập: 22/06/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Kiều, Xã Bích Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0945.090.998

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu	2599
2.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
3.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
4.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
5.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
6.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
7.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
8.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
9.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
10.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
11.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
12.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
13.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
14.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
15.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511(Chính)
16.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
17.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
18.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
19.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
20.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

21.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
22.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
23.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
24.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn tổng hợp	4690
27.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
28.	Sản xuất xe có động cơ	2910
29.	Sản xuất thân xe có động cơ, rô moóc và bán rô moóc	2920
30.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
31.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
32.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
33.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
34.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
36.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
37.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
38.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
40.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
42.	Tái chế phế liệu	3830
43.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
44.	Xây dựng nhà các loại	4100
45.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
46.	Xây dựng công trình công ích	4220
47.	Phá dỡ	4311
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bảo hiểm, môi giới bất động sản)	4610
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
54.	Bán buôn gạo	4631
55.	Bán buôn thực phẩm	4632

56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
59.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh.	8299
64.	Cho thuê xe có động cơ	7710
65.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
66.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
67.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
68.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	78301

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ VĂN HOẠT	Xóm Chay, Xã Hồng Thái, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.025	902.500.000	47,50	121542208	
			Tổng số	9.025	902.500.000	47,50		
2	TRẦN THẾ QUÂN	Xóm 3, Thôn Đông Hương, Xã Nham Sơn, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	950	95.000.000	5	121771442	
			Tổng số	950	95.000.000	5		

3	LÊ VĂN KẾT	Thôn 12, Xã Thọ Diên, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.025	902.500.000	47,50	172384299	
			Tổng số	9.025	902.500.000	47,50		

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: VŨ VĂN HOẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 17/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121542208

Ngày cấp: 01/08/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm Chay, Xã Hồng Thái, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Xóm Chay, Xã Hồng Thái, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang